

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 25-26/01/2018
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**
Bà **Trần Thị Hiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Triệu Hoàng Hùng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 681/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 153/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị S**, sinh năm: 1961

Địa chỉ: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1958

Địa chỉ: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2017, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983 nhưng đến năm 2000 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là phường N). Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông B không có trách nhiệm với gia đình, quan hệ trai gái lăng nhăng nên vợ chồng thường xuyên kinh cãi, đánh đập, xúc phạm nhau lẫn nhau và mâu thuẫn gây gắt nhất là thời gian gần đây sau khi vợ chồng kinh cãi thì ông B bỏ nhà đi từ đó đến nay không về. Mặc dù, bà S đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được nay bà S không còn yêu

thương ông B và không thể chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà S và ông B có tất cả 05 người con chung tên là Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1983; Nguyễn Thị V, sinh năm 1985; Nguyễn Văn M, sinh năm 1987; Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 và Nguyễn Minh K, sinh năm 1991. Các con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải - bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Ông và bà Trần Thị S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983 nhưng đến năm 2000 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là phường N) như lời trình bày của bà S.

Nay bà S xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S.

Về con chung: Bà S và ông B có tất cả 05 người con chung tên là Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1983; Nguyễn Thị V, sinh năm 1985; Nguyễn Văn M, sinh năm 1987; Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 và Nguyễn Minh K, sinh năm 1991. Các con chung đều đã trưởng thành.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa trình bày quan điểm:*

Về chấp hành thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ đúng theo các trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo các trình tự thủ tục tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự tước bỏ quyền lợi của mình tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy tình cảm vợ chồng bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn B đã không còn do ông B thiếu trách nhiệm, quan hệ trái gái lẳng nhăng dẫn đến nợ nần, đánh chửi bà S nên giữa vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, không còn chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không còn tồn tại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận cho bà Trần Thị S được ly hôn ông Nguyễn Văn B. Về con chung, các con chung đều đã trưởng thành; Tài sản chung: bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục:* Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa

hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ông Nguyễn Văn B vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn B theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà Trần Thị S yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn B nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp quan hệ hôn nhân và gia đình về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

3.1 Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983 nhưng đến năm 2000 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là phường N), được Ủy ban cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 11, quyển số: 01/2000, cấp ngày ngày 31 tháng 3 năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn B là hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông B không có trách nhiệm với gia đình, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, trong đời sống chung của vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, kinh cãi gay gắt với nhau nhưng sau mỗi lần phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì ông B tự ý bỏ nhà đi mà vợ chồng không ngồi lại với nhau để tìm hiểu nguyên nhân và tìm cách khắc phục. Vì vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm cho tình cảm giữa vợ chồng ngày càng phai nhạt dần cho thấy đời sống chung giữa vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, ông B vẫn cố tình vắng mặt nên coi như tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, qua đó cho thấy ông B không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì cuộc sống chung. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S, là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 Về con chung: Bà S và ông B có tất cả 05 người con chung tên là Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1983; Nguyễn Thị V, sinh năm 1985; Nguyễn Văn M, sinh năm 1987; Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 và Nguyễn Minh K, sinh năm 1991. Các con chung đều đã trưởng thành.

3.3 Về tài sản chung: Bà Trần Thị S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn B vắng mặt nên cần tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] *Về án phí*: Bà Trần Thị S phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Điều b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S. Bà Trần Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xét.

3. Về tài sản chung: Tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi ông Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Trần Thị S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003404 ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Trần Thị S đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thùy My